

12
BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 818/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 319
hoạt động theo hình thức công ty mẹ – công ty con

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 104/2008/NĐ-CP ngày 16/9/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-BQP ngày 10/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chuyển Tổng công ty 319 thuộc Quân khu 3 về trực thuộc Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế /Bộ Quốc phòng tại công văn số 268./KT-QLDN ngày 14/3/2012 về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 319,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 319 hoạt động theo hình thức công ty mẹ – công ty con”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3970/QĐ-BQP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 319.

Khi có sự thay đổi, bổ sung về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 319 do Bộ Quốc phòng giao, hoặc trong quá trình hoạt động, nếu thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thì Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty 319 báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Kinh tế, Hội đồng thành viên Tổng công ty 319 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kinh tế/BQP;
- Cục Tài chính/BQP;
- Tcty 319 (Q3b);
- Lưu: VT, .1.7.....b.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Hữu Đức

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 319,
hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 818 /QĐ-BQP ngày 22/ 3 /2012
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

Tổng công ty 319 là doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng 100% vốn Nhà nước, do Bộ Quốc phòng quyết định thành lập, trực tiếp quản lý, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con.

Tổng công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Tổng công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ.

Tổng công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của Tổng công ty.

Tổng Công ty có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

Chủ sở hữu Tổng Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: Tổng công ty 319.
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
3. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: 319 Corporation.
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 147 đường Nguyễn Văn Cừ - quận Long Biên - thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: (04)3 8274209
 - Fax: (04)3 8731458
5. Biểu tượng (logo) gồm: Họa tiết 2 vòng tròn mở, đan xen nhau, vòng tròn đứng màu xanh đậm, vòng tròn nghiêng màu xanh nhạt; chính giữa có họa

tiết số 319 và ngôi sao màu đỏ. Logo được Cục Bản quyền tác giả - Bộ văn hóa thể thao và du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 1212/2010/QTG ngày 11/5/2010.

6. Tổng Công ty được phép thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Ngành nghề kinh doanh

1. Sản xuất các cấu kiện kim loại.
2. Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
3. Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
4. Bán buôn gạo.
5. Bốc xếp hàng hóa cảng sông.
6. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan.
7. Ký túc xá học sinh, sinh viên.
8. Sản xuất giường tủ, bàn ghế bằng gỗ.
9. Sản xuất bao bì bằng gỗ.
10. Khai thác quặng sắt, quặng kim loại quý hiếm.
11. Đại lý du lịch, điều hành tua du lịch.
12. Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
13. Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.
14. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.
15. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
16. Chuẩn bị mặt bằng.
17. Phá dỡ.
18. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
19. Sản xuất nước uống có cồn và không có cồn.
20. Đào tạo nghề và hợp tác lao động với nước ngoài (không bao gồm xuất khẩu lao động).
21. Vận tải đường thủy, đường bộ.
22. Khai thác, sản xuất kinh doanh khoáng sản, đất sét, cao lanh, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch ngói và đại lý xăng dầu.
23. Nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải phục vụ xây dựng.
24. Lắp đặt thiết bị, dây chuyền công nghệ.
25. Thi công xây lắp, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hóa.
26. Thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm điện, các công trình ngầm, nhà máy nước.

27. Khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế công trình cầu, đường bộ.

28. Khảo sát, dò tìm xử lý bom mìn, vật nổ.

29. Lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình.

30. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

31. Thiết kế quy hoạch xây dựng.

32. Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, cầu và đường bộ, thủy lợi; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện.

33. Khai thác đá, cát, sỏi.

34. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

35. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao.

36. Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác.

37. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

38. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Điều 4. Vốn điều lệ và việc tăng giảm vốn điều lệ của Tổng Công ty

1. Vốn điều lệ: 650.000.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Tăng giảm vốn điều lệ:

a) Tổng công ty không được giảm vốn điều lệ;

b) Tổng công ty tăng vốn điều lệ bằng việc Chủ sở hữu Tổng công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của tổ chức, cá nhân khác, Tổng công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thành viên mới cam kết góp vốn vào Tổng công ty;

d) Khi tăng vốn điều lệ, Tổng công ty thực hiện đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị, xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo pháp luật và điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo pháp luật và điều lệ của tổ chức mình phù hợp với các quy định của pháp luật, quy định của Bộ Quốc phòng.

Chương II

CHỦ SỞ HỮU TỔNG CÔNG TY

Điều 6. Chủ sở hữu Tổng công ty

Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của Tổng công ty. Bộ Quốc phòng là đại diện chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tổng công ty.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty

1. Quyền của chủ sở hữu

- a) Quyết định nội dung Điều lệ Tổng công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý Tổng công ty theo quy định của Bộ Quốc phòng về công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật doanh nghiệp hiện hành;
- d) Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- e) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- g) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- h) Quyết định tăng vốn điều lệ của Tổng công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Tổng công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- i) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- k) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổng công ty;
- l) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- m) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Tổng công ty sau khi Tổng công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- n) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty theo vốn điều lệ đã đăng ký;

b) Tuân thủ Điều lệ của Tổng công ty;

c) Xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Tổng công ty và tài sản của Tổng công ty;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty.

3. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu

a) Chủ sở hữu Tổng công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ số vốn góp ra khỏi Tổng công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu sẽ liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty;

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, Tổng Công ty sẽ đăng ký chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày chuyển nhượng;

b) Chủ sở hữu không được rút lợi nhuận khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản đến hạn khác.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 8. Quyền của Tổng công ty

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Đào tạo, tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

5. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

6. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

7. Chiếm hữu, sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.



10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Nghĩa vụ của Tổng công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư, góp vốn thành lập công ty con, công ty liên kết và các hình thức đầu tư khác ra ngoài công ty.

8. Trích nộp lợi nhuận sau thuế về Chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

9. Xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; ký kết và thực hiện các hợp đồng dân sự, thương mại với các đối tác phù hợp với nhiệm vụ Chủ sở hữu giao và nhu cầu của thị trường.

10. Kinh doanh có lãi, đảm bảo chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn do Chủ sở hữu giao.

11. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

12. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty con, công ty liên kết

1. Xây dựng và đảm bảo định hướng, chiến lược kinh doanh chung, phát triển thị trường của các công ty con, công ty liên kết phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty.

2. Không lạm dụng quyền chi phối đối với công ty con, công ty liên kết làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, chủ nợ, thành viên góp vốn khác và các bên liên quan.

3. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có thỏa thuận với công ty con, gây thiệt hại cho công ty con và các bên liên quan thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó và các bên liên quan:

a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng gây thiệt hại đối với công ty con;

b) Điều chuyển các hợp đồng kinh doanh có hiệu quả từ công ty con này sang công ty con khác hoặc công ty liên kết mà không có sự thỏa thuận với công ty bị điều chuyển, làm cho công ty bị điều chuyển bị lỗ;

c) Giao nhiệm vụ cho các công ty con, công ty liên kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng với các công ty con, công ty liên kết;

d) Điều chuyển vốn của các công ty con dưới hình thức vay vốn với lãi suất thấp, điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản vay để Tổng công ty hoặc các công ty con khác thực hiện các hợp đồng có nhiều rủi ro đối với hoạt động của công ty con cho vay.

Chương IV TỔ CHỨC – QUẢN LÝ – HOẠT ĐỘNG

Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

- a) Hội đồng thành viên;
- b) Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- c) Tổng giám đốc;
- d) Các Phó tổng giám đốc;
- đ) Kế toán trưởng (kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán);
- e) Kiểm soát viên;
- g) Bộ máy giúp việc.

2. Tổng công ty có các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con và công ty liên kết.

Điều 12. Quản lý và điều hành

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Tổng công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động; Tổng công ty sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi có thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành quy định tại điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Tổng Giám đốc Tổng công ty. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải thường trú tại Việt Nam, nếu vắng mặt quá ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Mục 2

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 14. Chức năng của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; có quyền nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu Tổng công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, pháp luật có liên quan và quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu bổ nhiệm có thời hạn, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương; Chủ sở hữu có quyền thay thế các thành viên Hội đồng thành viên bất kỳ khi nào.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên là 05 năm; thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá tối đa 3 nhiệm kỳ.

4. Quyết định của Hội đồng thành viên có giá trị pháp lý khi có hơn một nửa số thành viên dự họp chấp thuận.

5. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi vào sổ biên bản.

Điều 15. Thành viên Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên của Tổng công ty gồm 5 người.

2. Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.

d) Đối với công ty con của Tổng công ty có phần vốn góp hay cổ phần sở hữu Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty không được cử làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty con.

đ) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

e) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên.

3. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm và được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Bị Tòa án kết bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty;

d) Khi Tổng công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu chấp nhận.

đ) Xin từ chức.

e) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng thành viên

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu giao.

2. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; quyết định phương án kinh doanh của các đơn vị thành viên do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối thông qua việc sử dụng quyền chi phối của Tổng công ty tại các doanh nghiệp này.

3. Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp

cận, mở rộng, chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên (nếu có).

4. Trình đại diện Chủ sở hữu phê duyệt các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

5. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

6. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

7. Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

8. Quyết định quy chế quản lý nội bộ, biên chế bộ máy quản lý, phương án tổ chức kinh doanh của Tổng công ty.

9. Quyết định (sau khi có sự đồng ý của Chủ sở hữu): đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty TNHH một thành viên; các công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc Tổng công ty; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tổng công ty.

10. Thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổng công ty theo quy chế về công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

11. Quyết định thang lương, bảng lương, phụ cấp lương làm cơ sở để xếp lương, trả lương cho người lao động tại công ty (trừ các chức danh là Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, kiểm soát viên của Tổng công ty do chủ sở hữu công ty quyết định).

12. Quyết định các vấn đề quan trọng sau đối với các công ty con:

a) Đối với công ty TNHH một thành viên do công ty làm chủ sở hữu:

- Quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý HĐQT hay Chủ tịch công ty; số lượng, cơ cấu HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và mức thù lao hoặc lương đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch công ty, kiểm soát viên;

- Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, việc điều chỉnh vốn điều lệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty con;

b) Đối với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty:

- Chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc HĐTV; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của công ty;

c) Đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty tài chính (nếu có):

- Phê duyệt quy chế hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp;

- Thông qua dự thảo điều lệ của công ty tài chính (nếu có) trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

13. Quyết định sử dụng vốn của Tổng công ty để đầu tư thành lập công ty TNHH một thành viên và mua cổ phần, vốn góp vào doanh nghiệp khác nhưng không vượt quá mức vốn đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ sở hữu.

14. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc Tổng công ty; Chủ tịch và các thành viên HĐTV hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu, giám đốc tài chính (nếu có) và người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

15. Báo cáo Chủ sở hữu kết quả và lĩnh hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

16. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước pháp luật về thực hiện quyền, nhiệm vụ của mình và về sự phát triển của Tổng công ty theo mục tiêu Chủ sở hữu giao.

17. Thông qua quyết toán tài chính hàng năm; báo cáo tài chính hợp nhất; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng giám đốc Tổng công ty đề nghị để trình Chủ sở hữu phê duyệt.

18. Yêu cầu người có thẩm quyền hoặc người có nghĩa vụ mở thủ tục tuyên bố phá sản khi Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản.

19. Quyết định các vấn đề sau phải được Chủ sở hữu chấp thuận:

- a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của Tổng công ty; danh mục đầu tư, các ngành nghề kinh doanh chính và các ngành nghề không có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính; việc điều

chính, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

b) Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

c) Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại bằng hoặc hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

d) Phê duyệt các phương án huy động vốn trên mức quy định tại điểm 13 ở trên.

đ) Các quyết định quy định tại khoản 9 điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tổng công ty;

e) Phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế; tỷ lệ trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và các quỹ khác theo quy định của pháp luật tại Tổng công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

g) Quyết định việc điều chỉnh vốn Điều lệ của Tổng công ty;

h) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng công ty.

20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 17. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng thành viên không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

Điều 18. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ sở hữu Tổng công ty bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên;
 - c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 19. Thẩm quyền và cách thức triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên, một nhóm thành viên. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu Tổng công ty;
- b) Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- c) Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

2. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến



từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm, chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty, thông qua phương hướng phát triển Tổng công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất hai ngày làm việc trước ngày họp. Đối với các tài liệu khác phải được gửi cho thành viên chậm nhất là một ngày trước khi họp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên; trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên; đồng thời, có quyền nhân danh mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của họ.

4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 3 điều này phải bằng văn bản, có các nội dung chủ yếu sau:

a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác đối với thành viên là người được Chủ sở hữu Tổng công ty ủy quyền khác;

b) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;

c) Dự kiến chương trình họp;

d) Họ, tên, chữ ký của những người được ủy quyền.

5. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ các nội dung theo quy định tại khoản 4 của điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty và thành viên có liên quan của Tổng công ty. Trong trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Điều 20. Điều kiện tham gia quản lý doanh nghiệp khác

1. Thành viên Hội đồng thành viên chỉ được góp vốn thành lập công ty TNHH, công ty cổ phần khi được Chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.
2. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc chỉ được giữ các chức danh quản lý, điều hành tại công ty TNHH, công ty cổ phần khác khi Chủ sở hữu đề cử để tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý hoặc cử làm người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác.
3. Những người liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Tổng công ty do Chủ sở hữu bổ nhiệm không được giữ chức danh quản lý, kế toán trưởng, thủ quỹ tại công ty khác và các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty.

Điều 21. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành Tổng công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc quyết định của Chủ sở hữu, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Chủ sở hữu.
2. Sau 10 ngày kết thúc tháng, 15 ngày kết thúc quý và 25 ngày kết thúc năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới cho Hội đồng thành viên.
3. Chủ tịch Hội đồng thành viên tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 22. Tổng giám đốc Tổng công ty

1. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;

c) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền.

2. Chủ sở hữu là người ra quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty với nhiệm kỳ không quá 5 năm (không quá năm năm).

Chủ sở hữu có quyền thay thế Tổng giám đốc Tổng công ty bất cứ khi nào.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu Tổng công ty và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

4. Tổng giám đốc Tổng công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đó có hiệu lực pháp luật;
b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm giao;

d) Không trung thực trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty;

đ) Để Tổng công ty thua lỗ 02 năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoặc trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn được Chủ sở hữu nhà nước phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đầu tư có lý do khách quan được giải trình và được Chủ sở hữu chấp thuận; do đầu tư mới để mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ;

e) Để Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản.

Điều 23. Tổng giám đốc Tổng công ty có các quyền sau

1. Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

4. Ban hành quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty;

5. Nhân danh Tổng công ty ký kết hợp đồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, biên chế của các phòng, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên.

8. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

9. Tuyển dụng lao động.

10. Các quyền khác được quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 24. Tổng Giám đốc Tổng công ty có các nghĩa vụ sau

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tốt nhất của Tổng công ty và chủ sở hữu Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

5. Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

Điều 25. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng do cấp có thẩm quyền (theo quy định công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam) bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi giữ chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền;

3. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.



4. Văn phòng và các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty;

5. Nhiệm vụ cụ thể của các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ được quy định trong quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Chủ tịch Hội đồng thành viên phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

6. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ.

Mục 3

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên do cấp có thẩm quyền (theo quy định công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam) bổ nhiệm từ một đến ba người với nhiệm kỳ không quá ba năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu Tổng công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005;

b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;

c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.

Điều 27. Kiểm soát viên có các quyền sau đây

1. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.

2. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu Tổng công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu Tổng công ty báo cáo thẩm định.

3. Kiến nghị Chủ sở hữu Tổng công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.

4. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu Tổng công ty.

5. Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Tổng công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

Điều 28. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của chủ sở hữu Tổng công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và chủ sở hữu Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và chủ sở hữu Tổng công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Kiểm soát viên không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 29. Hợp đồng, giao dịch trong hoạt động của Tổng công ty

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết:

a) Chủ sở hữu Tổng công ty và người có liên quan của chủ sở hữu Tổng công ty;

b) Người đại diện theo uỷ quyền, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;

c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này;

d) Người quản lý Tổng công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;

đ) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty (ở đây Tổng giám đốc Tổng công ty) phải gửi cho Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên; Đồng thời, niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.

2. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
- b) Giá thỏa thuận và được ghi trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
- c) Chủ sở hữu Tổng công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Tổng công ty và chủ sở hữu Tổng công ty.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại khoản 1 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty (ở đây là Tổng giám đốc Tổng công ty) và các bên của hợp đồng phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Mục 5

TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 30. Tập thể người lao động trong Tổng công ty

1. Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức sau:

- a) Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức của Tổng công ty;
- b) Tổ chức Công đoàn của Tổng công ty;
- c) Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền phê duyệt các vấn đề sau:

- a) Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất của Tổng công ty;
- b) Chuyển đổi sở hữu Tổng công ty;
- c) Các nội quy, quy chế của Tổng công ty liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;
- d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại những người lao động của Tổng công ty;
- đ) Bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý của Tổng công ty khi có yêu cầu.

3. Thông qua Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức hoặc tổ chức công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau:

a) Nội dung hoặc bổ sung, sửa đổi nội dung thoả ước lao động tập thể để Chủ tịch Công đoàn thương lượng và ký kết đối với Tổng giám đốc Tổng công ty;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch khác của Tổng công ty có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với hướng dẫn của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Chương V

TÀI CHÍNH – THỐNG KÊ KẾ TOÁN

Điều 31. Năm tài chính và báo cáo tài chính của Tổng công ty

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Việc thu chi tài chính của Tổng công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Tổng công ty và kiểm soát viên

1. Người quản lý Tổng công ty và Kiểm soát viên được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty;

2. Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Tổng công ty và Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 33. Phân phối lợi nhuận của Tổng công ty và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Tổng công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các Quỹ sau đây:

- a) Quỹ dự phòng tài chính;
- b) Quỹ khen thưởng phúc lợi;
- c) Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Quỹ đầu tư phát triển.

Mức trích cụ thể của từng loại quỹ được Bộ Quốc phòng quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty. Phần còn lại được Bộ Quốc phòng quyết định để lại tiếp tục bổ sung quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty hoặc nộp về Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Quốc phòng chỉ rút lợi nhuận của Tổng công ty khi Tổng công ty thanh toán đủ các khoản và thực hiện xong các nghĩa vụ tài sản khác.

3. Việc xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 34. Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty

Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí và giá thành của Tổng công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty do Hội đồng thành viên xây dựng và được sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Nội dung Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về cơ chế tài chính đối với công ty TNHH một thành viên và các nguyên tắc cơ bản về quản lý tài chính theo quy định của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 35. Chế độ kế toán, tài chính của Tổng công ty

1. Tổng công ty sử dụng chế độ hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính trong kinh doanh theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong sổ sách kế toán của Tổng công ty là đồng Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong sổ sách kế toán của Tổng công ty là tiếng Việt.

3. Tổng công ty tổ chức và thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên.

Điều 36. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính

1. Phương án, kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn, hàng năm do Tổng công ty xây dựng được Chủ sở hữu phê duyệt. Các kế hoạch này được xây dựng theo biểu mẫu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành đối với công ty TNHH một thành viên và quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Hội đồng thành viên xây dựng kế hoạch tài chính của Tổng công ty và báo cáo Chủ sở hữu phê duyệt và làm căn cứ giám sát, đánh giá kết quả quản lý,

điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty.

3. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Tổng công ty lập báo cáo tài chính theo quy định pháp luật hiện hành về báo cáo tài chính của công ty TNHH một thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên có nhiệm vụ thẩm tra Báo cáo tài chính của Tổng công ty và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo. Sau khi thẩm tra, Tổng công ty gửi báo cáo tài chính đến các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và trình Chủ sở hữu phê duyệt;

b) Chủ sở hữu phê duyệt Báo cáo tài chính của Tổng công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản Báo cáo đầy đủ. Văn bản phê duyệt Báo cáo tài chính gửi cho Tổng công ty và các cơ quan của Bộ Quốc phòng theo quy định.

4. Tổng công ty thực hiện công khai tài chính theo quy định của nhà nước và của Bộ Quốc phòng.

Điều 37. Các nguyên tắc quản lý vốn và tài sản

1. Huy động vốn:

Ngoài số vốn do Chủ sở hữu đầu tư, Tổng công ty được quyền huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để phục vụ kinh doanh. Việc huy động vốn của Tổng công ty không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Tổng công ty.

2. Quản lý sử dụng tài sản cố định:

a) Tài sản cố định của Tổng công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình;

b) Tổng công ty được chủ động xây dựng các phương án đầu tư mua sắm tài sản cố định, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu tài sản cố định phù hợp với mục tiêu kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản và hiệu quả sử dụng vốn. Tổng công ty thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản trên cơ sở phương án đã được Chủ sở hữu phê duyệt;

c) Hội đồng thành viên quyết định mức khấu hao tài sản cố định theo khung quy định của Nhà nước và của Bộ Quốc phòng trình Chủ sở hữu phê duyệt;

d) Hội đồng thành viên quyết định việc nhượng, bán, thanh lý tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn khi không có nhu cầu sử dụng hoặc tài sản hư hỏng không sử dụng được để thu hồi vốn. Việc nhượng, bán, thanh lý tài sản quốc phòng phải được Chủ sở hữu nhất trí bằng văn bản. Mọi sự nhượng bán, thanh lý phải được thực hiện thông qua phương thức đấu giá. Tiền thu được từ



nhượng, bán, thanh lý tài sản được hạch toán vào thu nhập để xác định kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

3. Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực khác:

a) Tổng công ty có quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn do Chủ sở hữu đã đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh với mục tiêu đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, có lợi nhuận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về bảo toàn vốn, về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan đến Tổng công ty;

b) Hội đồng thành viên uỷ quyền cho Tổng giám đốc quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn Chủ sở hữu đã đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh với mục tiêu và lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Việc sử dụng vốn thực hiện theo Quy chế tài chính của Tổng công ty;

c) Việc sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty đầu tư ra ngoài Tổng công ty được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định của Bộ Quốc phòng;

4. Hàng năm, trước khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm, Tổng công ty phải kiểm kê thực tế tài sản cố định, hàng tồn kho, tiền vốn, công nợ để xác định số thực tế ở thời điểm lập báo cáo tài chính; xác định giá trị tài sản thừa, thiếu hoặc tài sản bị tổn thất, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với pháp luật. Giá trị tài sản thừa hạch toán vào thu nhập khác. Giá trị tài sản thiếu hoặc tổn thất thực tế sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức bảo hiểm hạch toán vào chi phí kinh doanh.

Chương VI

ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI TỔNG CÔNG TY

Điều 38. Đầu tư ra ngoài Tổng công ty

1. Nguyên tắc đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty

a) Tổng công ty được sử dụng vốn và tài sản để đầu tư ra ngoài Tổng công ty theo quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Tổng công ty;

b) Tổng công ty phải sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty. Tổng mức đầu tư ra ngoài Tổng công ty (bao

gồm cả đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá mức vốn điều lệ của Tổng công ty.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty phải theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Tổng công ty, không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty được Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao.

3. Các hình thức đầu tư ra ngoài Tổng công ty:

- a) Đầu tư 100% vốn thành lập công ty TNHH một thành viên;
- b) Góp vốn thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên;
- c) Góp vốn thành lập công ty cổ phần hoặc mua lại cổ phần của công ty khác;
- d) Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng và không thành lập pháp nhân mới;

đ) Đầu tư vốn ra nước ngoài để thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật nước ngoài;

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 39. Nguồn vốn của Tổng công ty đầu tư ra bên ngoài

Vốn của Tổng công ty đầu tư ở các công ty khác, bao gồm:

- 1. Vốn bằng tiền, giá trị tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty đầu tư hoặc góp vốn vào công ty khác.
- 2. Vốn của Chủ sở hữu góp vào công ty khác giao cho Tổng công ty quản lý.
- 3. Vốn do Tổng công ty vay để đầu tư.
- 4. Lợi tức từ góp vốn của Tổng công ty ở công ty khác.
- 5. Các loại vốn khác.

Điều 40. Thẩm quyền quyết định đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty

1. Việc góp vốn với nhà đầu tư nước ngoài hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài hoặc góp vốn với đối tác trong nước mà tổng giá trị đầu tư bằng 50% vốn điều lệ trở lên phải được Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án.

2. Việc góp vốn có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ do Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định.

Chương VII
QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY
VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Mục 1
NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 41. Nguyên tắc độc lập và tự chủ trong hoạt động

1. Các công ty con và các công ty liên kết của Tổng công ty là những pháp nhân được tổ chức và hoạt động kinh doanh độc lập; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ sở hữu.

2. Các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan về hình thức tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp đó.

Điều 42. Nguyên tắc phối hợp và liên kết trong hoạt động

1. Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty hoạt động kinh doanh trong cùng một lĩnh vực, cùng một thị trường hoặc cùng một loại dịch vụ có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau theo các định hướng, chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường đã được thống nhất trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi.

2. Mọi quan hệ cụ thể giữa Tổng công ty và các công ty con, công ty liên kết được thống nhất và quy định cụ thể trong từng điều lệ của các công ty con và công ty liên kết.

Mục 2
QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY
VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 43. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty con là công ty TNHH một thành viên

1. Công ty TNHH một thành viên được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và các quy định pháp luật liên quan;

2. Tổng công ty là chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty thành lập, Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

3. Công ty TNHH một thành viên chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ đối với Tổng công ty như sau:

a) Về quản lý sản xuất kinh doanh:

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai và các nguồn lực khác được Tổng công ty đầu tư để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh, phát triển của công ty;

- Chủ động lựa chọn ngành nghề kinh doanh, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh theo định hướng của Tổng công ty; quyết định những dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của công ty, kế hoạch phối hợp của Tổng công ty và nhu cầu thị trường;

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và dịch vụ theo quy định của pháp luật;

- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; nhân danh Tổng công ty ký kết và thực hiện hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước khi được Tổng công ty ủy quyền;

- Tuyển, thuê, đào tạo và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh; lựa chọn các hình thức trả lương; mức lương, thưởng trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; thực hiện các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật và của Bộ Quốc phòng; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong bộ máy quản lý công ty TNHH một thành viên theo phân cấp của Tổng công ty và của Bộ Quốc phòng; bảo đảm quyền và lợi ích cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

- Chủ động áp dụng hình thức quản lý khoa học, hiện đại; tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của công ty; chủ động đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh phù hợp với nhiệm vụ được giao và kế hoạch phát triển của Tổng công ty;

- Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm, dịch vụ do Tổng công ty hoặc Nhà nước định giá.

- Tuân thủ và thực hiện hoạt động kinh doanh phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển chung của Tổng công ty.

b) Về quản lý tài chính và hạch toán kinh tế:

- Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ theo quyết định của công ty và theo quy chế tài chính của công ty;

- Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán, kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực các báo cáo tài chính;

- Định kỳ báo cáo các thông tin về hoạt động của công ty, tình hình tài chính của công ty theo các quy định của Nhà nước của Bộ Quốc phòng và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Tổng công ty để đánh giá khách quan và đúng đắn về hoạt động của công ty;

- Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

4. Hội đồng thành viên Tổng công ty là đại diện chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty TNHH một thành viên:

a) Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty TNHH một thành viên trong phạm vi số vốn điều lệ; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty TNHH một thành viên;

b) Tuân thủ Điều lệ công ty TNHH một thành viên;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty TNHH một thành viên và Tổng công ty;

d) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty TNHH một thành viên;

đ) Quyết định nội dung Điều lệ và quy chế tài chính công ty TNHH một thành viên theo đề nghị của Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên;

e) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên theo đề nghị của Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên;

g) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty TNHH một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty, thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên; phân cấp cho Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức một số chức danh trong công ty TNHH một thành viên;

i) Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty TNHH một thành viên;

k) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty TNHH một thành viên;

l) Quyết định bán tài sản có giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty TNHH một thành viên;

m) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của công ty theo điều lệ của công ty TNHH một thành viên;

n) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty TNHH một thành viên;

o) Xác định và tách bạch tài sản của công ty TNHH một thành viên với tài sản của Tổng công ty;

p) Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại và yêu cầu phá sản công ty TNHH một thành viên;

q) Thu hồi toàn bộ tài sản của Tổng công ty sau khi công ty TNHH một thành viên hoàn thành việc giải thể, phá sản;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

Điều 44. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con là công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên góp vốn, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên.

2. Tổng công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua việc cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Tổng công ty tại các công ty con.

3. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối;

b) Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn tại công ty con báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người được cử trực tiếp quản lý phần vốn tại các công ty con xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại



công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Thu cổ tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con;

đ) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp ở các công ty con;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con.

Điều 45. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty liên kết

1. Công ty liên kết hình thành trên cơ sở sự thoả thuận bằng văn bản giữa Tổng công ty và các doanh nghiệp trong và ngoài quân đội được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

2. Tổng công ty có thể cử hoặc không cử người đại diện phần vốn của mình tại các công ty này để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo điều lệ của công ty liên kết.

Mục 3

QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

Điều 46. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt.

2. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo chế độ lấy thu bù chi, có thể được hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động từ các quỹ của công ty hoặc ngân sách Nhà nước.

3. Đơn vị sự nghiệp được tạo nguồn thu do thực hiện các dịch vụ, hợp đồng nghiên cứu khoa học và đào tạo của cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ, trường hợp thấp hơn mức bình quân của Tổng công ty thì có thể được hỗ trợ từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Tổng công ty.

Điều 47. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty

1. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động hạch toán, tổ chức, nhân sự của Tổng công ty theo quy định tại Quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Việc thành lập mới, sáp nhập, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc chỉ được thực hiện khi có quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty.

Mục 4

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY Ở CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty ở các công ty con và công ty liên kết

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- b). Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
- d) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
- đ) Không phải là người liên quan của những người là Đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết mà người đó được cử làm đại diện phần vốn của Tổng công ty;
- e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các công ty con, công ty liên kết mà người đó được cử làm đại diện phần vốn góp của Tổng công ty, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hoá;
- g) Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết có thể tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc các chức danh quản lý khác tại các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở Điều lệ của công ty con, công ty liên kết và các quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Đại diện cho Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn tại công ty con, công ty liên kết. Sử dụng quyền cổ đông chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty;

b) Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ công ty con, công ty liên kết;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con, công ty liên kết;

d) Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty về hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Tổng công ty;

đ) Xin ý kiến thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con về những vấn đề: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng giảm vốn điều lệ; chia cổ tức; bán tài sản có giá trị lớn;

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng công ty ở công ty con. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền hạn, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty và Chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Chương VIII

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP

Điều 50. Cơ chế quản lý lao động, quản lý tiền lương

1. Cơ chế quản lý lao động

a) Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Tổng công ty theo chế độ hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Tổng công ty;

b) Tổng giám đốc Tổng công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Hội đồng thành viên Tổng công ty ban hành;

c) Hàng năm, Tổng giám đốc phải đánh giá việc sử dụng lao động. Nếu số lượng lao động thực tế tuyển dụng vượt quá nhu cầu, để người lao động không có việc làm hoặc không đủ việc làm thì phải có phương án bố trí và giải quyết dứt điểm. Trường hợp không thể bố trí được việc làm thì phải có trách nhiệm giải quyết thôi việc và phải đảm bảo mọi chế độ với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Cơ chế quản lý tiền lương

a) Việc xếp lương, ngạch, bậc và phụ cấp đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người lao động trong Tổng công ty thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng;

b) Việc trả lương thực hiện theo nguyên tắc: phù hợp với kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, không vượt quá quỹ lương hợp lệ được xác định tương ứng với đơn giá tiền lương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 51. Quản lý tiền lương và thu nhập

1. Trách nhiệm của Chủ sở hữu:

a) Phổ biến, hướng dẫn Tổng công ty nắm và triển khai thực hiện đúng các chế độ lao động, tiền lương, thu nhập theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách lao động, tiền lương của Tổng công ty;

c) Xem xét kế hoạch sử dụng lao động, quy chế tuyển dụng, đào tạo, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân, chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, định mức lao động, đơn giá tiền lương, quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng và quy chế nâng bậc, nâng ngạch lương của Tổng công ty.

2. Trách nhiệm của Tổng công ty:

a) Xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch lao động hàng năm đăng ký với Chủ sở hữu làm căn cứ để tuyển dụng hoặc giải quyết lao động chưa có việc làm theo quy định;

b) Xây dựng đơn giá tiền lương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng.

Chương IX

TỔ TỤNG - TRANH CHẤP - GIẢI THỂ - PHÁ SẢN

Điều 52. Tổ tụng và Tranh chấp

1. Tranh chấp nội bộ, Tổng công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thỏa thuận nội bộ, nếu không được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

2. Tranh chấp bên ngoài, Tổng công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Tổng công ty sẽ đại diện cho Tổng công ty trước pháp luật.



Điều 53. Giải thể Tổng công ty

Tổng công ty giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo quyết định của chủ sở hữu.
2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 54. Thủ tục giải thể và thanh lý tài sản

1. Chủ sở hữu Tổng công ty thông qua quyết định giải thể với các nội dung chủ yếu:

- a) Tên trụ sở Tổng công ty;
- b) Lý do giải thể;
- c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
- d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ, và lợi ích liên quan, người lao động trong Tổng công ty. Quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty và đăng báo viết hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; Số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; Cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

3. Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ sở hữu Tổng công ty.

4. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết nợ của Tổng công ty, người đại diện phải gửi hồ sơ giải thể Tổng công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

5. Trường hợp Tổng công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Tổng công ty sẽ giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 55. Phá sản

Việc phá sản Tổng công ty được thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này được áp dụng cho Tổng công ty 319 hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Tất cả các thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, các cán bộ, công nhân viên trong Tổng công ty và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ này.

Điều lệ, Quy chế của các công ty con, đơn vị sự nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc không được trái với điều lệ này.

Điều 57. Sửa đổi bổ sung

Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của Hội đồng thành viên và quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty.

Điều 58. Hiệu lực

Điều lệ này gồm 10 chương, 58 điều, được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2012 và có hiệu lực kể từ ngày văn bản phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có hiệu lực.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Hữu Đức